

## 1 Nhận dạng hóa chất

- **Phân loại sản phẩm**
- **Tên giao dịch Resin solution X 50**
- **Mã giao dịch:** 1234567890
- **Các trường hợp được dùng chất, hỗn hợp này và các trường hợp chống chỉ định**  
Không có thêm thông tin có liên quan.
- **Hướng dẫn sử dụng** Vật liệu thô cho nhựa
- **Thông tin chi tiết của các nhà cung cấp các bảng dữ liệu an toàn**
- **Nhà sản xuất / Nhà phân phối:**  
Chemix GmbH  
Chemixstraße 17  
A-5020 Salzburg Tel.: 0043/662/21 22 23
- **Các thông tin chi tiết có thể tìm thấy ở:** Product safety department.
- **Số điện thoại khẩn cấp:**  
During normal opening times: environment protection department, Ext 123  
at other times: factory fire brigade, Ext 222

## 2 Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

- **Phân loại chất và hỗn hợp**

Chất lỏng dễ cháy 3	H226	Chất lỏng và hơi dễ cháy.
Nhiễm độc cấp tính 5	H333	Có thể có hại nếu hít phải.
Kích ứng da 2	H315	Gây kích ứng da.
Kích ứng mắt 2 A	H319	Gây kích ứng nghiêm trọng cho mắt.
Skin Sens. 1	H317	Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
Repr. 2	H361	Nghi ngờ ảnh hưởng đến khả năng sinh sản hoặc có hại cho thai nhi. Các con đường tiếp xúc: Hít phải.
STOT RE 2	H373	Có thể gây hại đến Hệ tiêu hóa thông qua tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại. Các con đường tiếp xúc: Tiếp xúc với da.
Aquatic Chronic 2	H411	Độc hại đối với môi trường nước do tác dụng lâu dài.

- **Các phần tử nhãn hiệu**
- **Các yếu tố trên nhãn GHS** Sản phẩm được xếp loại và ghi nhãn theo quy định của GHS
- **Các hình biểu thị sự nguy hiểm**



GHS02 GHS07 GHS08 GHS09

- **Từ chỉ dấu hiệu** Cảnh báo
- **Các thành phần nguy hiểm về việc ghi nhãn:**  
reaction product: bisphenol-A-(epichlorhydrin) epoxy resin (number average molecular weight  $\leq$  700)  
toluene
- **Các hướng dẫn về các nguy hiểm**  
Chất lỏng và hơi dễ cháy.  
Có thể có hại nếu hít phải.  
Gây kích ứng da.  
Gây kích ứng nghiêm trọng cho mắt.  
Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.  
Nghi ngờ ảnh hưởng đến khả năng sinh sản hoặc có hại cho thai nhi. Các con đường tiếp xúc: Hít phải.  
Có thể gây hại đến Hệ tiêu hóa thông qua tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại. Các con đường tiếp xúc: Tiếp xúc với da.

(Xem tiếp ở trang 2)

# Phiếu An toàn hóa chất

## Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2015.09.14

Số phiên bản 2.3

Sửa lại: 2015.09.14

### Tên giao dịch Resin solution X 50

(Xem tiếp ở trang 1)

- Độc hại đối với môi trường nước do tác dụng lâu dài.
- **Các hướng dẫn an toàn**  
Nếu việc tư vấn của bác sĩ là cần thiết thì hãy cầm theo hộp sản phẩm hoặc nhãn mác ở tay.  
Đề xa tầm tay trẻ em.  
Hãy đọc nhãn mác trước khi sử dụng.  
Tránh nhiệt/tia lửa/ngọn lửa/bề mặt nóng – Không hút thuốc.  
Nếu nuốt phải gọi ngay trung tâm giải độc/ bác sĩ  
Nếu tiếp xúc trên da (hoặc tóc): ngay lập tức cởi bỏ tất cả quần áo nhiễm độc. Rửa bằng nước/ vòi hoa sen  
**NEU DÍNH MẮT:** Rửa thật cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có và nếu dễ làm. Sau đó tiếp tục rửa  
Nơi cất giữ được khóa lại  
Vứt sản phẩm/vỏ hộp theo quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.
  - **Các dấu hiệu nguy hiểm khác:**
  - **Kết quả của đánh giá PBT và vPvB Results**
  - **PBT:** Không được áp dụng
  - **vPvB:** Không được áp dụng

### 3 Thông tin về thành phần các chất

- **Mô tả tính chất hóa học: Hỗn hợp**
- **Mô tả** Hỗn hợp các chất sau với những thành phần phụ gia không gây nguy hiểm

- **Các chất thành phần nguy hiểm:**

25068-38-6	reaction product: bisphenol-A-(epichlorhydrin) epoxy resin (number average molecular weight $\leq 700$ ) ⚠ Aquatic Chronic 2, H411; ⚠ Kích ứng da 2, H315; Kích ứng mắt 2 A, H319; Skin Sens. 1, H317	25-50%
108-88-3	toluene ⚠ Chất lỏng dễ cháy 2, H225; ⚠ Repr. 2, H361; STOT RE 2, H373; ⚠ Kích ứng da 2, H315	20-<25%
141-78-6	ethyl acetate ⚠ Chất lỏng dễ cháy 2, H225; ⚠ Kích ứng mắt 2 A, H319	20-<25%
78-92-2	butanol ⚠ Chất lỏng dễ cháy 3, H226; ⚠ Kích ứng mắt 2 A, H319	2.5-<10%
67-63-0	propan-2-ol ⚠ Chất lỏng dễ cháy 2, H225; ⚠ Kích ứng mắt 2 A, H319	2.5-<10%

- **Các hướng dẫn đính kèm:** Đối với các từ ngữ dùng để chỉ rủi ro được liệt kê trong mục 16

### 4 Đặc tính lý, hóa của hóa chất

- **Mô tả về các biện pháp sơ cứu**
- **Hướng dẫn chung:**  
Ngay lập tức loại bỏ quần áo bị vấy bẩn bởi sản phẩm  
Triệu chứng nhiễm độc có thể xuất hiện sau một vài giờ, nên những quan sát ý tế cần phải được kéo dài ít nhất 48 giờ sau tai nạn.
- **Sau khi hít vào:**  
Cung cấp không khí trong lành và gọi bác sĩ  
Trong trường hợp người bệnh bất tỉnh giữ bệnh nhân ở vị trí nằm nghiêng và chuyển đi.
- **Sau khi tiếp xúc với da:** Rửa ngay và thật sạch với nước và xà phòng
- **Sau khi tiếp xúc với mắt:**  
Mở mắt và rửa dưới vòi nước trong vài phút, nếu không thấy đỡ thì phải gọi cho bác sĩ ngay
- **Sau khi nuốt phải:** Nếu triệu chứng không giảm thì phải xin tư vấn của bác sĩ
- **Thông tin dành cho bác sĩ:**
- **Những triệu chứng và tác dụng cấp và chậm quan trọng nhất:**  
Không có thông tin liên quan nào khác

(Xem tiếp ở trang 3)

# Phiếu An toàn hóa chất

## Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2015.09.14

Số phiên bản 2.3

Sửa lại: 2015.09.14

**Tên giao dịch Resin solution X 50**

- **Các chỉ dẫn về sự giúp đỡ tức thời của bác sĩ và trợ giúp đặc biệt**  
Không có thêm thông tin liên quan

(Xem tiếp ở trang 2)

### 5 Mức độ ổn định và khả năng hoạt động của hóa chất

- **Các phương tiện chữa cháy**
- **Các giải pháp chữa cháy thích hợp**  
Dùng cát. Không dùng nước  
Dùng CO2, cát, bột chữa cháy. Không dùng nước
- **Các biện pháp chữa cháy không thích hợp vì lý do an toàn:** Tia nước
- **Những nguy cơ gây cháy từ các chất hoặc hỗn hợp**  
Có thể sinh ra khí độc khi đun nóng hay trong đám cháy
- **Hướng dẫn trong trường hợp chữa cháy**
- **Các thiết bị bảo vệ** Mặt nạ phòng độc

### 6 Thông tin về độc tính

- **Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và thủ tục khẩn cấp**  
Sử dụng mặt nạ phòng độc  
Đeo thiết bị bảo vệ. Những ai không có thiết bị bảo vệ không được vào khu vực nguy hiểm
- **Các biện pháp bảo vệ môi trường**  
Không được để sản phẩm tràn vào hệ thống nước thải hay bất kỳ nguồn nước nào  
Thông báo ngay cho nhà chức trách trong trường hợp ngấm vào hệ thống nước thải hay bất kỳ nguồn nước nào  
Ngăn không cho tràn vào hệ thống nước thải, nước mặt hay nước ngầm
- **Các phương pháp và nguyên liệu dùng cho việc ngăn chặn và làm sạch**  
Có thể ngấm vào vật liệu giữ chất lỏng (cát, diatomite, vữa axit, vữa thường, mùn cưa)  
Loại bỏ vật liệu bị ô nhiễm theo quy định về chất thải tại mục 13  
Đảm bảo thoáng khí  
Không gột bằng nước hay chất tẩy rửa dạng nước
- **Liên hệ đến các phần khác**  
Xem phần 7 để biết thông tin về xử lý an toàn  
Xem phần 8 để biết thông tin và thiết bị bảo hộ cá nhân  
Xem phần 13 để biết thông tin về xử thải

### 7 Thông tin về sinh thái

- **Xử lý**
- **Các biện pháp bảo vệ để xử lý an toàn**  
Đảm bảo nơi làm việc thoáng khí  
Mở và vận chuyển các bình chứa cẩn thận  
Tránh hình thành aerosol
- **Thông tin về các biện pháp chống cháy,**  
Tránh xa nguồn cháy nổ. Không hút thuốc  
Tránh tích điện  
Luôn có sẵn thiết bị hỗ trợ hô hấp
- **Điều kiện cho việc lưu trữ an toàn, bao gồm cả sự không tương thích**
- **Lưu trữ:**
- **Yêu cầu đối với phòng chứa và dụng cụ chứa** Không có yêu cầu đặc biệt nào
- **Thông tin về lưu trữ đối với một cơ sở lưu trữ thông thường** Không yêu cầu
- **Thông tin thêm về điều kiện lưu trữ** Đậy kín bình chứa
- **Cấp bậc lưu trữ:** 3
- **Tác dụng của sản phẩm** Không có thêm thông tin liên quan

VN

(Xem tiếp ở trang 4)

# Phiếu An toàn hóa chất

Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2015.09.14

Số phiên bản 2.3

Sửa lại: 2015.09.14

Tên giao dịch Resin solution X 50

(Xem tiếp ở trang 3)

## 8 Biện pháp sơ cứu về y tế

- Thông tin thêm về thiết kế các phương tiện kỹ thuật Không có thêm dữ liệu; xem mục 7
- Các thông số điều khiển

· Các thành phần với giá trị giới hạn cần được yêu cầu giám sát tại nơi làm việc

### 108-88-3 toluene

OEEL (CN)	Giá trị ngắn hạn: 100 mg/m <sup>3</sup> Giá trị dài hạn: 50 mg/m <sup>3</sup>
-----------	--

### 141-78-6 ethyl acetate

OEEL (CN)	Giá trị ngắn hạn: 300 mg/m <sup>3</sup> Giá trị dài hạn: 200 mg/m <sup>3</sup>
-----------	---

### 67-63-0 propan-2-ol

OEEL (CN)	Giá trị ngắn hạn: 700 mg/m <sup>3</sup> Giá trị dài hạn: 350 mg/m <sup>3</sup>
-----------	---

· Giá trị DNEL

### 108-88-3 toluene

Miệng	DNEL	10 mg/kg/day (consumer) (Long Time Systemic)
-------	------	--

· Thông tin bổ sung Danh sách có hiệu lực trong suốt quá trình thực hiện được sử dụng làm cơ sở

- Kiểm soát các tình huống nguy hiểm
- Các thiết bị an toàn cá nhân
- Các biện pháp bảo vệ và vệ sinh tổng thể
  - Tránh xa thực phẩm, đồ uống và đồ ăn cho vật nuôi
  - Loại bỏ ngay lập tức tất cả quần áo bị nhiễm bẩn
  - rửa tay trước giờ nghỉ và cuối giờ làm
  - Đề riêng quần áo bảo hộ
  - Tránh tiếp xúc với mắt và da

· Bảo vệ đường hô hấp:

Trong trường hợp tiếp xúc ít hoặc ô nhiễm ở mức độ thấp hãy sử dụng mặt nạ phòng độc. Trong trường hợp tiếp xúc nhiều và trong thời gian lâu thì phải sử dụng bình thở ôxi

· Bảo vệ tay



Găng tay bảo hộ

Chất liệu làm găng phải chống thấm đòi với sản phẩm/chất/chế phẩm

Do không thấy các cuộc thử nghiệm nên không có khuyến cáo về chất liệu làm găng tay cho sản phẩm/chế phẩm/hỗn hợp hóa chất

Chọn chất liệu găng theo số lần và thời gian sử dụng

· Chất liệu của găng tay

Khi sản phẩm là một chế phẩm của một số chất, khả năng kháng độc của găng tay không thể tính toán trước được và do đó phải được kiểm tra trước khi ứng dụng

· Thời gian xâm nhập của găng tay vật liệu

Việc phá vỡ chính xác qua thời gian đã được phát hiện bởi các nhà sản xuất găng tay bảo vệ và phải được giám sát

· Bảo vệ mắt Eye



Kính bảo hộ dán kín

VN

(Xem tiếp ở trang 5)

# Phiếu An toàn hóa chất

## Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2015.09.14

Số phiên bản 2.3

Sửa lại: 2015.09.14

Tên giao dịch Resin solution X 50

(Xem tiếp ở trang 4)

### 9 Biện pháp xử lý khi có hoạ hoạn

· Thông tin về tính chất vật lý và hóa học cơ bản	
· Thông tin tổng quát	
· Diện mạo:	
Hình thức::	Chất lỏng
Màu:	Theo đặc tả của sản phẩm
· Mùi:	Đặc điểm
· Ngưỡng mùi:	Không xác định.
· Độ pH:	Không xác định.
· Thay đổi trong điều kiện	
Điểm tan / Phạm vi tan	Không xác định
Điểm sôi / Phạm vi sôi	77 °C
· Điểm bay hơi:	26 °C
· Tính dễ cháy (rắn, khí):	Không thể áp dụng.
· Nhiệt độ cháy:	390 °C
· Nhiệt độ phân hủy:	Không xác định.
· Tự cháy:	Sản phẩm không tự bốc cháy.
· Nguy hiểm do cháy nổ:	Sản phẩm không nổ. Nhưng có khả năng hình thành khí, hỗn hợp hơi gây nổ.
· Giới hạn nổ:	
Dưới:	1.2 Vol %
Trên:	11.5 Vol %
· Áp lực hơi: tại 20 °C:	97 hPa
· Mật độ:	Không xác định.
· Mật độ tương đối:	Không xác định.
· Mật độ của hơi:	Không xác định.
· Tỷ lệ bay hơi:	Không xác định.
· Độ hòa tan trong / Độ hòa trộn với:	
Nước:	Không thể hoặc khó trộn lẫn.
· Sự phân biệt hệ số (n-octanol / Nước):	Không xác định.
· Độ nhớt:	
Động	Không xác định.
Tĩnh	Không xác định.
· Thành phần dung môi:	
Dung môi hữu cơ:	50.0 %
VOC (EC):	50.00 %
Thành phần chất rắn:	50.0 %
· Thông tin khác:	Không có thông tin chi tiết tương ứng

### 10 Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

- **Phản ứng:** Không có thêm thông tin liên quan
- **Sự ổn định hóa học:**
- **Phân hủy nhiệt / Điều kiện cần tránh::** Không phân hủy nếu được sử dụng theo tiêu chuẩn.
- **Khả năng phản ứng nguy hiểm:** Chưa có phản ứng nguy hiểm nào được biết tới.
- **Các điều kiện cần tránh:** Không có thêm thông tin liên quan
- **Vật liệu không tương thích:** Không có thêm thông tin liên quan.

(Xem tiếp ở trang 6)

# Phiếu An toàn hóa chất

## Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2015.09.14

Số phiên bản 2.3

Sửa lại: 2015.09.14

**Tên giao dịch Resin solution X 50**

· **Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:** Chưa có sản phẩm phân hủy nào được biết đến.

(Xem tiếp ở trang 5)

### 11 Yêu cầu về cất giữ

- Thông tin về các hiệu ứng độc tính:
- **Ngộ độc cấp tính:**

· **Phân loại liên quan tới giá trị LD/LC50**

Miệng	LD50	25000 mg/kg (rat)
Hít phải	LC50/4 h	558 mg/l (rat)

#### 108-88-3 toluene

Miệng	LD50	5000 mg/kg (rat)
Da	LD50	12124 mg/kg (rabbit)
Hít phải	LC50/4 h	5320 mg/l (mouse)

#### 141-78-6 ethyl acetate

Miệng	LD50	5620 mg/kg (rabbit)
Hít phải	LC50/4 h	1600 mg/l (rat)

#### 78-92-2 butanol

Miệng	LD50	6480 mg/kg (rat)
-------	------	------------------

#### 67-63-0 propan-2-ol

Miệng	LD50	5045 mg/kg (rat)
Da	LD50	12800 mg/kg (rabbit)
Hít phải	LC50/4 h	30 mg/l (rat)

- **Hiệu ứng kích thích sơ cấp:**
- **Trên da** Kích ứng da và lớp màng nhầy niêm mạc.
- **Trên mắt:** Tác dụng kích ứng.
- **Độ nhạy cảm** Có khả năng mẫn cảm nếu tiếp xúc với da.
- **Thông tin thêm về độc tính:**  
Sản phẩm này chỉ ra những tác hại sau theo phương pháp tính toán của hướng dẫn phân loại Châu Âu chung được ban hành trong biên bản mới nhất:  
Kích ứng
- **Hiệu ứng CMR (Gây ung thư, gây biến dị, sinh sản độc tính)**  
Repr. 2

### 12 Tác động lên người và yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

- **Độc tính**
- **Thủy sản độc tính:** Không có thêm thông tin liên quan.
- **Sự kiên trì và khả năng nhạy dần:** Không có thêm thông tin liên quan.
- **Hành vi trong các hệ thống môi trường:**
- **Tiềm năng tích lũy sinh học** Không có thêm thông tin liên quan.
- **Tính lưu động trong đất** Không có thêm thông tin liên quan.
- **Ảnh hưởng của sinh thái độc**
- **Ghi chú:** Độc hại cho cá.
- **Bổ sung thông tin sinh thái:**
- **Ghi chú tổng quát:**  
Độc hại cho nước loại 2 (quy định của Đức) (Tự đánh giá): có hại cho nước.  
Không để sản phẩm tiếp xúc với nước ngầm, nguồn nước hoặc hệ thống nước thải.  
Độc hại với nước uống kể cả với số lượng nhỏ thấm vào đất.  
Cũng độc hại cho cá và sinh vật phù du sống trong môi trường nước.  
Độc hại cho các sinh vật sống dưới nước.
- **Kết quả của đánh giá PBT và vPvB**
- **PBT PBT:** Không có khả năng ứng dụng.

(Xem tiếp ở trang 7)

# Phiếu An toàn hóa chất

## Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2015.09.14

Số phiên bản 2.3

Sửa lại: 2015.09.14

**Tên giao dịch Resin solution X 50**




(Xem tiếp ở trang 6)

- **vPvB vPvB:** Không có khả năng ứng dụng.
- **Các hiệu ứng bất lợi** Không có thêm thông tin liên quan.

### 13 Yêu cầu trong việc thải bỏ

- **Phương pháp xử lý chất thải**
- **Khuyến nghị**  
Không được xử lý cùng rác thải sinh hoạt. Không được bỏ sản phẩm vào hệ thống nước thải.
- **Bao bì bán**
- **Khuyến nghị:** Việc xử lý phải thực hiện theo các quy định của chính quyền.

### 14 Yêu cầu trong vận chuyển

- |   |  |
|---|--|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>· Mã LHQ (UN)</li> <li>· ADR, IMDG, IATA</li> </ul>  | UN1866   |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>· Tên vận chuyển theo quy ước của LHQ</li> <li>· ADR</li> <li>· IMDG, IATA</li> </ul>  | RESIN SOLUTION, special provision 640E,<br>ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS<br>RESIN SOLUTION   |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>· vận chuyển các lớp học nguy hiểm</li> <li>· ADR</li> </ul>   |  |
|   |  |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>· lớp</li> <li>· nhãn</li> </ul>   | 3 Các chất lỏng dễ cháy.<br>3  |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>· IMDG, IATA</li> </ul>  |  |
|    |  |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>· Class</li> <li>· Label</li> </ul>  | 3 Các chất lỏng dễ cháy.<br>3  |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>· Nhóm bao bì</li> <li>· ADR, IMDG, IATA</li> </ul>  | III  |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>· Các môi trường nguy hiểm:</li> <li>· Đánh dấu đặc biệt (ADR):</li> </ul>   | Sản phẩm chứa chất độc hại với môi trường:<br>reaction product: bisphenol-A-(epichlorhydrin)<br>epoxy resin (number average molecular weight ≤<br>700)<br>Biểu tượng (cá và cây) |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>· Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho ngư<br/>ời sử dụng:</li> <li>· Mã nguy hiểm:</li> <li>· Mã EMS:</li> </ul>               | Cảnh báo: Các chất lỏng dễ cháy.<br>30<br>F-E,S-E  |
| <ul style="list-style-type: none"> <li>· Vận chuyển với số lượng lớn theo Phụ Lục II<br/>của MARPOL73/78 và mã IBC</li> </ul>   | Không có khả năng ứng dụng.  |

(Xem tiếp ở trang 8)



# Phiếu An toàn hóa chất

## Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2015.09.14

Số phiên bản 2.3

Sửa lại: 2015.09.14

**Tên giao dịch Resin solution X 50**

(Xem tiếp ở trang 7)

**· Vận chuyển/ Thông tin thêm:**

**· ADR**

· Số lượng giới hạn (LQ)

5L

· Excepted quantities (EQ)

Code: E1

Maximum net quantity per inner packaging: 30 ml

Maximum net quantity per outer packaging: 1000

ml

· Danh mục vận chuyển

3

· Mã hạn chế đường hầm

D/E

**· IMDG**

· Limited quantities (LQ)

5L

· Excepted quantities (EQ)

Code: E1

Maximum net quantity per inner packaging: 30 ml

Maximum net quantity per outer packaging: 1000

ml

· Mẫu chuẩn của LHQ:

UN 1866 RESIN SOLUTION, SPECIAL

PROVISION 640E, 3, III, (D/E),

ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS

### 15 Quy chuẩn kỹ thuật và quy định pháp luật phải tuân thủ

- An toàn, sức khỏe và các quy định, pháp luật về môi trường cho các chất và hỗn hợp
- Các yếu tố trên nhãn GHS Sản phẩm được xếp loại và ghi nhãn theo quy định của GHS
- Các hình biểu thị sự nguy hiểm



GHS02 GHS07 GHS08 GHS09

· Từ chỉ dấu hiệu Cảnh báo

· Các thành phần nguy hiểm về việc ghi nhãn:

reaction product: bisphenol-A-(epichlorhydrin) epoxy resin (number average molecular weight  $\leq$  700)

toluene

· Các hướng dẫn về các nguy hiểm

Chất lỏng và hơi dễ cháy.

Có thể có hại nếu hít phải.

Gây kích ứng da.

Gây kích ứng nghiêm trọng cho mắt.

Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

Nghi ngờ ảnh hưởng đến khả năng sinh sản hoặc có hại cho thai nhi. Các con đường tiếp xúc: Hít phải.

Có thể gây hại đến Hệ tiêu hóa thông qua tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại. Các con đường tiếp xúc: Tiếp xúc với da.

Độc hại đối với môi trường nước do tác dụng lâu dài.

· Các hướng dẫn an toàn

Nếu việc tư vấn của bác sĩ là cần thiết thì hãy cầm theo hộp sản phẩm hoặc nhãn mác ở tay.

Đề xa tầm tay trẻ em.

Hãy đọc nhãn mác trước khi sử dụng.

Tránh nhiệt/tia lửa/ngọn lửa/bề mặt nóng – Không hút thuốc.

Nếu nuốt phải gọi ngay trung tâm giải độc/ bác sĩ

(Xem tiếp ở trang 9)



# Phiếu An toàn hóa chất

## Theo điều Luật hóa chất số: 06/2007/QH12, Điều 29.

Ngày in 2015.09.14

Số phiên bản 2.3

Sửa lại: 2015.09.14

**Tên giao dịch Resin solution X 50**

(Xem tiếp ở trang 8)

Nếu tiếp xúc trên da (hoặc tóc): ngay lập tức cởi bỏ tất cả quần áo nhiễm độc. Rửa bằng nước/ với hoa sen

**NẾU DÍNH MẮT:** Rửa thật cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu có và nếu dễ làm. Sau đó tiếp tục rửa

Nơi cất giữ được khóa lại

Vứt sản phẩm/vỏ hộp theo quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.

· **Đánh giá an toàn hóa chất:** Đánh giá an toàn hóa chất chưa được tiến hành.

### 16 Các thông tin cần thiết khác

Thông tin này dựa trên kiến thức hiện nay của chúng tôi. Tuy nhiên, điều này không đảm bảo cho bất cứ tính chất cụ thể nào của sản phẩm và không thiết lập mối quan hệ hợp tác có giá trị pháp lý nào.

· **Cụm từ liên quan**

H225 Chất lỏng và hơi khả năng cháy cao.

H226 Chất lỏng và hơi dễ cháy.

H315 Gây kích ứng da.

H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

H319 Gây kích ứng nghiêm trọng cho mắt.

H361 Nghi ngờ ảnh hưởng đến khả năng sinh sản hoặc có hại cho thai nhi. Các con đường tiếp xúc: Hít phải.

H373 Có thể gây hại đến Hệ tiêu hóa thông qua tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại. Các con đường tiếp xúc: Tiếp xúc với da.

H411 Độc hại đối với môi trường nước do tác dụng lâu dài.

· **Nơi phát hành bảng hướng dẫn an toàn hóa chất:** Product safety department.

· **Liên hệ:** Dr. Peter Mayer

· **Chữ viết tắt hoặc Viết tắt chữ cái đầu:**

ADR: Accord européen sur le transport des marchandises dangereuses par Route (European Agreement concerning the International Carriage of Dangerous Goods by Road)

IMDG: International Maritime Code for Dangerous Goods

IATA: International Air Transport Association

EINECS: European Inventory of Existing Commercial Chemical Substances

ELINCS: European List of Notified Chemical Substances

CAS: Chemical Abstracts Service (division of the American Chemical Society)

VOC: Volatile Organic Compounds (USA, EU)

DNEL: Derived No-Effect Level (REACH)

LC50: Lethal concentration, 50 percent

LD50: Lethal dose, 50 percent

PBT: Persistent, Bioaccumulative and Toxic

vPvB: very Persistent and very Bioaccumulative

Chất lỏng dễ cháy 2: Flammable liquids, Hazard Category 2

Chất lỏng dễ cháy 3: Flammable liquids, Hazard Category 3

Nhiễm độc cấp tính 5: Acute toxicity, Hazard Category 5

Kích ứng da 2: Skin corrosion/irritation, Hazard Category 2

Kích ứng mắt 2 A: Serious eye damage/eye irritation, Hazard Category 2A

Skin Sens. 1: Sensitisation - Skin, Hazard Category 1

Repr. 2: Reproductive toxicity, Hazard Category 2

STOT RE 2: Specific target organ toxicity - Repeated exposure, Hazard Category 2

Aquatic Chronic 2: Hazardous to the aquatic environment - Chronic Hazard, Category 2